

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-01-2022

V/v không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Đức Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Mạnh Nhanh và ông Cao Hoàng Dân.

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Ngọc Bích – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Phạm Thị V, sinh năm 1984.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn A, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* anh Phạm Thái S, sinh năm 1983.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn A, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội.

(Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Phạm Thị V trình bày:

Chị và anh Phạm Thái S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn do hiểu biết pháp luật hạn chế. Sau khi cưới chị và anh S về sống tại thôn A, xã H, huyện M, thành

phố Hà Nội. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh S không quan tâm đến vợ con và gia đình. Thực tế, chị và anh S đã ly thân từ năm 2008 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Mặc dù gia đình đã cố gắng tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm nhưng đều không có kết quả. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã kéo dài và trầm trọng, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh S.

Về con chung: quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Thị Ngọc L, sinh ngày 23/11/2005 và cháu Phạm Thái T, sinh ngày 16/7/2008. Hiện cả hai con chung đều đang ở với mẹ. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phạm Thị Ngọc L và giao con chung là cháu Phạm Thái T cho anh Phạm Thái S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị V không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức và nợ chung: chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn là anh Phạm Thái S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh S trình bày và xác nhận về quan hệ chung sống và thời điểm phát sinh mâu thuẫn, thời điểm ly thân giữa anh và chị V như chị V trình bày là đúng. Mặc dù đã được Tòa án giải thích các quy định liên quan đến Luật hôn nhân và gia đình hiện hành nhưng tình cảm giữa anh và chị V đã hết nên anh không đi đăng ký kết hôn nữa, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và chấp nhận yêu cầu của chị V về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị V.

Về con chung: anh S xác nhận quá trình chung sống anh và chị V có 02 con chung là cháu Phạm Thị Ngọc L, sinh ngày 23/11/2005 và cháu Phạm Thái T, sinh ngày 16/7/2008. Khi ly hôn, anh S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thái T và giao con chung là cháu Phạm Thị Ngọc L cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; anh S không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức và nợ chung: anh S xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H và Phòng Tư pháp huyện M, thành phố Hà Nội không có tên chị Phạm Thị V và anh Phạm Thái S trong sổ đăng ký kết hôn được lưu trữ từ năm 1999, 2003 đến năm 2020.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chị Phạm Thị V đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật trong quy trình tố tụng. Bị đơn là anh Phạm Thái S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị giải quyết vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử, xử không công nhận chị Phạm Thị V và anh Phạm Thái S là vợ chồng.

Về con chung: đề nghị giao con chung là cháu Phạm Thị Ngọc L cho chị V và giao con chung là cháu Phạm Thái T cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức và nợ chung: các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: chị Phạm Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị V khởi kiện về việc không công nhận vợ chồng với anh Phạm Thái S có địa chỉ cư trú tại thôn A, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội, nguyên đơn chị Phạm Thị V đã nộp tạm ứng án phí là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều

227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị V và anh Phạm Thái S chung sống với nhau tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, chị V và anh S không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 giữa Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị V yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận chị và anh S là vợ chồng. Xét thấy, yêu cầu của chị V là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Thị Ngọc L, sinh ngày 23/11/2005 và cháu Phạm Thái T, sinh ngày 16/7/2008. Hiện cả 02 con chung đều đang ở với mẹ là chị V. Căn cứ yêu cầu của chị V và anh S cũng như nguyện vọng của các con chung, đồng thời, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, theo đó giao cháu Phạm Thị Ngọc L cho chị V và giao cháu Phạm Thái T cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị V và anh S đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công sức và nợ chung: các đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: chị Phạm Thị V chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị V.

1. Tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị V và anh Phạm Thái S là vợ chồng.

2. Về con chung: quá trình chung sống, chị Phạm Thị V và anh Phạm Thái S có 02 con chung là cháu Phạm Thị Ngọc L, sinh ngày 23/11/2005 và cháu Phạm Thái T, sinh ngày 16/7/2008. Hiện cả 02 con chung đều đang ở với chị Phạm Thị V.

Khi ly hôn, giao con chung là cháu Phạm Thị Ngọc L cho chị Phạm Thị V và giao con chung là cháu Phạm Thái T cho anh Phạm Thái S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: chị Phạm Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00038647 ngày 15/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mỹ Đức.

4. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Đức Hiệp